

TÀI LIỆU TÓM TẮT

VỀ NƯỚC CỘNG HÒA THỔ NHĨ KỲ



I. Khái quát

- Tên nước: Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ, Thủ đô: Ankara.
- Diện tích: 783.562 km²
- Dân số: 75 triệu người (07/2012)
- Dân tộc: người Thổ chiếm 80%, người Kurk 17%, còn lại là người Armeni, Arab...
- Tôn giáo: 99% dân số theo Đạo Hồi, ngoài ra còn có tín đồ Thiên Chúa giáo và Do Thái giáo
- Ngôn ngữ: tiếng Thổ Nhĩ Kỳ là ngôn ngữ chính, ngoài ra còn các tiếng dân tộc khác
- Thể chế chính trị: Cộng hòa Dân chủ Nghị viện
 - Tổng thống: Abdullah Gul (từ tháng 8/2007)
 - Thủ tướng: Recep Tayyip Erdogan (từ tháng 3/2003)
- Tài nguyên thiên nhiên: là nước có tài nguyên thiên nhiên phong phú, công nghiệp khai khoáng phát triển, mỗi năm Thổ khai thác 900.000 tấn crôm (đứng đầu thế giới). Trữ lượng dầu lửa 139 triệu tấn.
- Đơn vị tiền tệ : Lira (TRL). 1 USD = 1,66 TRL

- Thổ Nhĩ Kỳ là thành viên của NATO nhưng đang trong quá trình đàm phán (từ năm 1999) gia nhập EU. Thổ Nhĩ Kỳ có quan hệ tốt với các nước khu vực Ban-căng, Trung Đông và các nước thuộc Liên Xô cũ. Những năm gần đây, Thổ Nhĩ Kỳ thực hiện chính sách hướng đông, tăng cường hợp tác kinh tế thương mại với các nước ở khu vực Châu Á-Thái Bình Dương, trong đó có Việt Nam, do đây đã trở thành “Trung tâm thu hút” của thế giới và 30% thương mại toàn cầu.
- Ngày Quốc khánh: 29/10/1923
- Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam: 07/06/1978

II. Số liệu kinh tế

- GDP: 761,9 tỷ USD (2012, tính theo tỷ giá thực)
- GDP bình quân đầu người: 11.000 USD (tính theo tỷ giá thực)
- Tăng trưởng GDP năm 2012: 2,9%
- Cơ cấu kinh tế: nông nghiệp 9,1%, công nghiệp 27,9%, dịch vụ 63%
- Kim ngạch xuất khẩu: 152 tỷ USD (2012)
- Các mặt hàng xuất khẩu chính: Phương tiện vận tải, máy thiết bị và nồi hơi, sắt thép, máy móc thiết bị điện, hàng dệt kim, nhiên liệu và dầu khoáng chất, sản phẩm sắt thép, hàng may mặc phi dệt kim, nhựa và sản phẩm nhựa, hạt, quả và dưa ...
- Các thị trường xuất khẩu chính: Đức, I-rắc, Anh, Italia, Pháp Nga, Mỹ, U.A.E, I-ran, Bỉ.
- Kim ngạch nhập khẩu: 202 tỷ USD (2012)
- Các mặt hàng nhập khẩu chính: máy móc, hóa chất, hàng bán thành phẩm, xăng dầu, phương tiện giao thông, sản phẩm nhựa...
- Các nước nhập khẩu chính: Nga, Đức, Trung Quốc, Mỹ, Italia, I-ran, Pháp, Ấn Độ, Hàn Quốc, Tây Ban Nha...

Thổ Nhĩ Kỳ có nền kinh tế phát triển đa dạng, với các ngành kinh tế quan trọng như công nghiệp khai khoáng, luyện kim, công nghiệp ô tô, điện tử, điện gia dụng, dệt may, giày dép, giấy, chế tạo máy, thực phẩm, xây dựng, nông nghiệp, du lịch, tài chính ngân hàng, vận tải. Ngành nông nghiệp phát triển mạnh. Các sản phẩm nông nghiệp chủ yếu gồm thuốc lá, bông, ngũ cốc, ô liu, đường, hạt hazelnuts, đậu, trái cây, gia súc. Ngành du lịch của Thổ Nhĩ Kỳ cũng rất phát triển, thu hút khoảng 30 triệu khách du lịch mỗi năm. Thu nhập từ du lịch đạt khoảng 26 tỷ USD năm 2011. Nhờ thực thi các biện pháp cải tổ mạnh mẽ nền kinh tế theo hướng tự do hoá, Thổ Nhĩ Kỳ hiện là nền kinh tế lớn thứ 6 tại châu Âu và lớn thứ 16 thế giới (IMF), là thành viên G 20. Đề ra mục tiêu kim ngạch xuất khẩu đạt 500 tỷ USD năm 2023, Thổ Nhĩ Kỳ phấn đấu trở thành 1 trong 10 nền kinh tế lớn nhất thế giới.

III. Quan hệ Việt Nam – Thổ Nhĩ Kỳ

Ngày 7/6/1978, hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao. Tháng 2/1997, Thổ Nhĩ Kỳ mở Đại sứ quán tại Hà Nội. Tháng 10/1999, Việt Nam mở Văn phòng Đại diện Thương mại tại Istanbul. Tháng 7/2002, ta mở Tổng Lãnh sự quán tại Istanbul. Tháng 10/2003, ta nâng cấp TLSQ tại Istanbul lên Đại sứ quán và chuyển về Ankara. Tháng 12/2010. Hãng hàng không Thổ Nhĩ Kỳ đã mở đường bay trực tiếp từ Istanbul đến Thành phố Hồ Chí Minh (qua Bangkok) với tần suất 4 chuyến 1 tuần.

Hai bên đã trao đổi nhiều đoàn cấp cao. Gần đây nhất, Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Gia Khiêm thăm Thổ Nhĩ Kỳ tháng 6 năm 2009, Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan thăm Thổ Nhĩ Kỳ tháng 6 năm 2010. Bộ trưởng Ngoại giao Thổ Nhĩ Kỳ thăm Việt Nam tháng 7 năm 2010. Phó Thủ tướng kiêm Quốc vụ khanh Thổ Nhĩ Kỳ sang Việt Nam dự Kỳ họp lần thứ 5 Ủy ban hỗn hợp giữa hai nước tháng 02 năm 2011. Phó Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Đức Kiên thăm Thổ Nhĩ Kỳ tháng 02 năm 2011, Phó chủ tịch

nước Nguyễn Thị Doan thăm Thổ Nhĩ Kỳ và tham dự Hội nghị Thượng đỉnh phụ nữ toàn cầu lần thứ 21 tháng 5 năm 2011.

Các hiệp định đã ký giữa hai nước: Hiệp định hợp tác thương mại, kinh tế và kỹ thuật (tháng 8/1997), Hiệp định hợp tác văn hoá, khoa học và giáo dục (28/10/1999), Nghị định thư về hợp tác nông nghiệp (2/3/2000), Thỏa thuận Hợp tác giữa hai Bộ Ngoại giao (23/6/2005), Hiệp định miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao, công vụ, hộ chiếu đặc biệt (đối với Thổ Nhĩ Kỳ), Thỏa thuận thành lập Hội đồng doanh nghiệp Việt Nam-Thổ Nhĩ Kỳ, MOU về Hợp tác trong lĩnh vực tiêu chuẩn hóa giữa Viện Tiêu chuẩn Thổ Nhĩ Kỳ và Tổng Cục tiêu chuẩn, Chất lượng, Đo lường của Việt Nam (02/2011). Hai nước đang hoàn tất đàm phán và các thủ tục pháp lý nội bộ để tiến tới ký Hiệp định Khuyến khích và Bảo hộ Đầu tư, Hiệp định Tránh đánh thuế hai lần, Hiệp định về Hợp tác hàng không.

Kỳ họp lần thứ 5 Ủy ban Hỗn hợp Việt Nam – Thổ Nhĩ Kỳ được tổ chức từ ngày 22 đến ngày 23 tháng 02 năm 2011 tại Hà Nội, trong bối cảnh quan hệ kinh tế, thương mại giữa hai nước có những bước phát triển mạnh mẽ. Tại kỳ họp, hai bên đã thống nhất các nội dung hợp tác quan trọng nhằm tăng cường và thúc đẩy hơn nữa hợp tác trong các lĩnh vực: ngoại giao, thương mại, công nghiệp, nông nghiệp, quản lý môi trường, xây dựng, thông tin và truyền thông, văn hóa, thể thao và du lịch... Nhân dịp Kỳ họp, Bộ Công Thương đã phối hợp với VCCI và TUSKON (Liên đoàn các nhà công nghiệp và doanh nhân Thổ Nhĩ Kỳ) tổ chức Diễn đàn Thương mại và Đầu tư Việt Nam – Thổ Nhĩ Kỳ với sự tham gia đông đảo của các doanh nghiệp hai nước.

Tháng 12/2011, Bộ Công Thương phối hợp với Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức đón đoàn Phòng Thương mại và Công nghiệp Manisa của Thổ Nhĩ Kỳ và các doanh nghiệp Thổ Nhĩ Kỳ sang dự Hội chợ Expo HCMC và hội thảo doanh nghiệp Việt Nam-Thổ Nhĩ Kỳ.

Từ ngày 31/8 đến 4/9/2012, đoàn Bộ Công Thương do Thứ trưởng Trần Tuấn Anh dẫn đầu đã sang tham dự Lễ khai mạc Hội chợ quốc tế Izmir lần thứ 81 tổ chức tại Izmir, Thổ Nhĩ Kỳ. Tháp tùng Thứ trưởng có đoàn doanh nghiệp sang tham gia gian hàng tại Hội chợ gồm có Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn và một số doanh nghiệp khác.

Trao đổi thương mại giữa hai nước đã có bước phát triển nhanh trong những năm gần đây. Kim ngạch buôn bán hai chiều năm 2009 đạt 426 triệu USD, năm 2010 đạt 636 triệu USD, năm 2011 đạt 851,9 triệu USD, năm 2012 đạt 952 triệu USD (trong đó Việt Nam xuất khẩu 862,7 triệu USD, nhập khẩu 90,1 triệu USD).

Hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Thổ Nhĩ Kỳ bao gồm: sợi, vải, hàng may mặc, giày dép, cao su, điện thoại các loại và linh kiện, gạo, cơm dừa, sản phẩm gỗ, sản phẩm sắt thép, máy móc thiết bị, máy vi tính, sản phẩm điện tử, hạt tiêu, chè, nguyên phụ liệu thuốc lá, sữa và sản phẩm sữa, dây điện và cáp điện, sản phẩm nhựa, hàng thủ công, gốm sứ, hải sản...

Các mặt hàng Việt Nam nhập khẩu từ Thổ Nhĩ Kỳ gồm: phôi thép, sắt thép, vải, máy móc thiết bị, dược phẩm, linh kiện phụ tùng ô tô, chất dẻo nguyên liệu, nguyên phụ liệu dệt may da, thức ăn gia súc và nguyên liệu, hóa chất...

Điều đáng chú ý là trong những năm qua, Việt Nam liên tục xuất siêu sang Thổ Nhĩ Kỳ. Trong số các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam, sợi là mặt hàng xuất khẩu liên tục dẫn đầu trong những năm qua. Năm 2011, trị giá xuất khẩu sợi là 276 triệu USD, tăng 56,3% so với mức 176 triệu USD năm 2010. Năm 2012, trị giá xuất khẩu sợi đạt 340 triệu USD (tăng 23%). Tiếp theo là điện thoại các loại và linh kiện đạt 200 triệu USD, dệt may đạt 68 triệu USD, cao su đạt 40 triệu USD, giày dép đạt 22 triệu USD, máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt 19 triệu USD, sắt thép các loại đạt 15 triệu USD, hạt tiêu đạt 8,6 triệu USD, chất dẻo nguyên liệu đạt 8,5 triệu USD, gỗ và sản phẩm gỗ đạt 7,8 triệu USD, thủy sản đạt 5 triệu USD, gạo đạt 2 triệu USD...

Thổ Nhĩ Kỳ nhập khẩu hơn 200 tỷ USD năm 2012. Trong khi đó, nhập khẩu từ Việt Nam năm 2012 mới chỉ đạt 862,7 triệu USD, chiếm 0,4% tổng kim ngạch nhập khẩu của Thổ Nhĩ Kỳ. Cơ hội để đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa sang Thổ Nhĩ Kỳ vẫn còn nhiều.

Hợp tác công nghiệp giữa Việt Nam và Thổ Nhĩ Kỳ vẫn còn hạn chế. Tuy nhiên, hai nước có nhiều cơ hội thúc đẩy hợp tác trong các lĩnh vực sản xuất công nghiệp (dệt may, gia giày, chế biến thực phẩm...), xây dựng, sản xuất máy móc thiết bị, công nghệ thông tin... và ký các thỏa thuận hợp tác trong các lĩnh vực ngân hàng, hải quan, thuế, ...

Trong vài năm trở lại đây, Thổ Nhĩ Kỳ áp dụng biện pháp tự vệ đối với mặt hàng giày dép xuất khẩu của Việt Nam và thuế chống bán phá giá đối với mặt hàng điều hòa nhiệt độ, săm lốp xe đạp, xe máy; dây cu-roa; bột lửa ga; vải bạt polypropylen. Thổ Nhĩ Kỳ gia hạn áp dụng biện pháp tự vệ đối với mặt hàng giày có mã HS 6402, 6403, 6404 từ 10/8/2009 đến 10/8/2012. Gần đây nhất, tháng 10/2012, Thổ Nhĩ Kỳ khởi xướng điều tra chống bán phá giá đối với mặt hàng sợi (yarn of man made or synthetic or artificial staple fibres) nhập khẩu từ Việt Nam, Malaysia, Ai Cập, Pakistan và Thái Lan.

Thổ Nhĩ Kỳ là thị trường lớn ở khu vực Tây Á, là cửa ngõ đi vào Châu Âu, các doanh nghiệp Thổ Nhĩ Kỳ làm ăn khá nghiêm túc. Bộ Công Thương đã tổ chức các đoàn doanh nghiệp sang xúc tiến thương mại và tổ chức hội thảo doanh nghiệp tại Thổ Nhĩ Kỳ để gặp gỡ trực tiếp với các đối tác bạn hàng. Hiện tại, Thổ Nhĩ Kỳ mong muốn đẩy mạnh hợp tác kinh tế - thương mại với Việt Nam. Các doanh nghiệp Thổ Nhĩ Kỳ tích cực đi khảo sát thị trường Việt Nam để tìm kiếm đối tác và cơ hội hợp tác kinh doanh.

Xét đến quy mô kinh tế, thu nhập, nhu cầu nhập khẩu, vị trí cửa ngõ quan trọng trong khu vực của Thổ Nhĩ Kỳ, cũng như kinh nghiệm giao thương quốc tế và phương thức kinh doanh buôn bán chuyên nghiệp, nghiêm túc của các doanh nghiệp Thổ Nhĩ Kỳ, Thổ Nhĩ Kỳ là một đối tác kinh tế quan trọng, cần phải tiếp tục tranh thủ để Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu.

Kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam – Thở Nhĩ Kỳ
2003 – 2012

(ĐVT: triệu USD)

Năm	Tổng kim ngạch	Xuất khẩu	Nhập khẩu
2003	55,2	30,4	24,8
2004	76,8	45,9	30,9
2005	103,1	60,2	42,9
2006	170,1	141,8	28,3
2007	244,0	202,0	42,0
2008	443,0	333,0	110,0
2009	426,1	281,9	144,2
2010	636,0	528,0	108,0
2011	851,9	771,7	80,2
2012	952,8	862,7	90,1

Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam

Nguyễn Phúc Nam